

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/DS-ST

Ngày: 06 - 9 - 2022

V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lý
2. Ông Huỳnh Anh Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc - Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Đoàn Văn Tr**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:*

- Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Ô, xã P, huyện T, tỉnh Long An.

- Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1977; HKTT: Ấp Ông Quới, xã P, huyện T, tỉnh Long An. Địa chỉ: Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Ông Tr, ông T1 và bà G vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Đoàn Văn Tr: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn Văn Tr trình bày:

Do quen biết trong làm ăn nên ngày 03/3/2020, ông T1 có mượn vay của ông Tr số tiền 520.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận khi nào ông Tr cần tiền thì báo cho ông T1 biết vài ngày. Đến ngày 10/5/2021, ông Tr yêu cầu ông T1 trả tiền thì ông T1 tuyên bố không còn khả năng chi trả. Do đó, ông Tr khởi kiện yêu cầu ông T1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Tr.

Mặc dù giấy nợ chỉ có chữ ký ông T1 nhưng việc ông T1 vay tiền, vợ ông T1 là bà G biết. Đồng thời, ông T1 vay tiền với mục đích làm ăn kinh tế gia đình nên ông Tr yêu cầu bà G phải có trách nhiệm liên đới cùng ông T1 trả số tiền 520.000.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện ông Tr yêu cầu ông T1 và bà G trả lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng. Tuy nhiên, ông Tr có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông Tr xác định không yêu cầu ông T1 và bà G trả lãi.

Đề nghị của bị đơn – ông Nguyễn Văn T1: Ông T1 đã được Tòa án huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng ông T1 vắng mặt và không có ý kiến hay văn bản đề nghị đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị G: Trong quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2022, bà G xác định bà G không vay tiền của ông Tr, tuy nhiên bà G biết việc ông T1 vay tiền của ông Tr số tiền 520.000.000 đồng vào ngày 30/3/2020, ông T1 có ký giấy nợ vay tiền của ông Tr. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tr thì bà G không đồng ý vì bà G không có vay tiền của ông Tr, ông T1 vay thì có nghĩa vụ trả tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và giấy mượn nợ ngày 03/3/2020 có chữ ký của ông T1. Bà G trình bày bà G không vay tiền của ông Tr nhưng biết ông T1 đứng ra vay tiền của ông Tr. Theo lời khai của nguyên đơn thì mục đích ông T1 vay tiền là để phát triển kinh tế gia đình. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền 520.000.000 đồng, không lãi suất, nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả nhiều lần nhưng bị đơn không trả. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn có căn cứ. Do

đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466, 467 của Bộ luật Dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Bộ luật dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông Tr, ông T1, bà G: Ông Tr, ông T1, bà G có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Tr, ông T1 và bà G.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Đoàn Văn Tr khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị G liên đới trả số tiền nợ 520.000.000 đồng. Ông Tr khởi kiện và cung cấp chứng cứ là giấy mượn nợ ngày 03/3/2020, nội dung thể hiện số tiền ông T1 vay của ông Tr số tiền 520.000.000 đồng. Ông Tr xác định từ ngày 10/5/2021, ông Tr đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T1 trả tiền nợ nhưng vợ chồng ông T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Từ khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của ông Tr đến nay, phía ông T1 không có thiện chí cũng như biểu hiện thanh toán tiền nợ đã vay cho ông Tr. Bị đơn ông T1 vắng mặt và không có ý kiến hay văn bản nào phản đối yêu cầu của nguyên đơn và lời trình bày của ông Tr về số tiền nợ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, lời trình bày của ông Tr đối với số tiền ông T1 đã vay là có cơ sở chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ, căn cứ vào lời trình bày của ông Tr xác định số tiền nợ ông Tr khởi kiện ông T1, bà G là phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T1, bà G. Ông Tr xác định mục đích ông T1 vay là để làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Bà G cho rằng bà không vay tiền của ông Tr nên không đồng ý cùng ông T1 liên đới trả nợ. Xét thấy, ông T1 vay tiền của ông Tr phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông T1 và bà G, số tiền vay này mục đích là để ông T1 phát triển kinh tế gia đình nên căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình cần buộc bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ liên đới với ông Nguyễn Văn T1 trả nợ cho ông Đoàn Văn Tr.

[4] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hoá về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Về thời gian trả và cách thức trả: Vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[8] Về án phí: Ông Đoàn Văn Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị G phải liên đới chịu số tiền 24.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 288, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn Tr đối với ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị G.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đoàn Văn Tr số tiền 520.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị G phải liên đới chịu số tiền 24.800.000 đồng (hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Ông Đoàn Văn Tr không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông Tr số tiền 14.272.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông Tr đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011012 ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thật